

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM  
PHONG PHÚ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



## MỤC LỤC

|   | Trang   |
|---|---------|
| <b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>                              | 1 – 4   |
| <b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b> | 5       |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>   |         |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ                        | 6 – 9   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ        | 10      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ                  | 11      |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ               | 12 – 36 |

# CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### 1. Thông tin chung về tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

#### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301427564 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25 tháng 03 năm 2003;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 02 tháng 03 năm 2007 về việc bổ sung tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ ba ngày 25 tháng 10 năm 2007 về việc thay tăng vốn điều lệ từ 6.000.000.000 VND lên 22.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tư ngày 13 tháng 11 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ năm ngày 16 tháng 08 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0301427564;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ sáu ngày 09 tháng 09 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc sang ông Hồ Vinh Hiển;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ bảy ngày 28 tháng 10 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ từ 22.000.000.000 VND lên 23.355.000.000 VND; đồng thời, bổ sung thông tin về 83 chi nhánh của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tám ngày 11 tháng 02 năm 2011 về việc giảm số chi nhánh từ 83 chi nhánh xuống còn 82 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ chín ngày 28 tháng 02 năm 2012 về việc thêm mã ngành; đồng thời, thay đổi số chi nhánh từ 82 chi nhánh lên 83 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười ngày 18 tháng 04 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 23.355.000.000 VND lên 29.799.990.000 VND; đồng thời, thay đổi thông tin về các chi nhánh với số chi nhánh giảm xuống từ 83 chi nhánh còn 69 chi nhánh;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười một ngày 18 tháng 09 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ từ 29.799.990.000 VND lên 45.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười hai ngày 24 tháng 12 năm 2015 về việc giải thể tất cả các chi nhánh của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ mười ba ngày 03 tháng 3 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 45.000.000.000 VND lên thành 60.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là PPP) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 08 3754 7999
- Fax : 08 3754 7996

25-C  
TY  
HỮU HẠN  
ẤN  
NAM  
CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

**Công ty con**

| Tên công ty                    | Trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--------------------------------|--|--|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam | Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại dược phẩm | 100%          | 100%                   | 100%          |

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, quản lý và Ban kiểm soát của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên               | Chức vụ      |
|-------------------------|--------------|
| Ông Thái Nhã Ngôn       | Chủ tịch     |
| Ông Hồ Vinh Hiến        | Phó Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên   |
| Bà Lê Thanh Trúc        | Thành viên   |
| Ông Tô Ngọc Hân         | Thành viên   |

**Ban điều hành**

| Họ và tên            | Chức vụ             |
|----------------------|---------------------|
| Ông Thái Nhã Ngôn    | Tổng Giám đốc       |
| Ông Hồ Vinh Hiến     | Phó Tổng Giám đốc   |
| Ông Nguyễn Văn Hùng  | Giám đốc chất lượng |
| Ông Nguyễn Minh Hùng | Kế toán trưởng      |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên             | Chức vụ    |
|-----------------------|------------|
| Bà Hứa Thị Duyên Khoe | Trưởng ban |
| Bà Phạm Thị Minh Tâm  | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Chấn   | Thành viên |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện pháp luật của Công ty mẹ trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên         | Chức vụ       |
|-------------------|---------------|
| Ông Thái Nhã Ngôn | Tổng Giám đốc |

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Tập đoàn.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cũng ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**THÁI NHÃ NGÔN**

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

30448  
CÔNG  
H NHIỆM  
KIỂM T  
C VIỆT  
- TP. H

Số: 89/2016/BCSXHN-HCM.00623

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (sau đây được gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**TRẦN ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**DIỆP QUỐC BÌNH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

|  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2016<br>VND     | 01/01/2016<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                   |            |             |                       |                       |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>51.668.976.777</b> | <b>44.996.419.986</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | 5.1         | <b>13.834.258.550</b> | <b>10.538.236.849</b> |
| Tiền   | 111        |             | 8.834.258.550         | 3.538.236.849         |
| Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 5.000.000.000         | 7.000.000.000         |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>       | <b>120</b> |             | -                     | -                     |
| Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>               | <b>130</b> |             | <b>17.439.524.350</b> | <b>17.777.782.805</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | 5.2         | 14.406.250.155        | 16.116.948.718        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | 5.3         | 267.205.000           | 171.228.709           |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | 5.4         | 2.766.069.195         | 1.489.605.378         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                     |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>Hàng tồn kho</b>                              | <b>140</b> |             | <b>20.059.378.655</b> | <b>16.324.633.462</b> |
| Hàng tồn kho                                     | 141        | 5.5         | 20.059.378.655        | 16.324.633.462        |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>335.815.222</b>    | <b>355.766.870</b>    |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | 5.6.1       | 82.966.081            | 224.173.987           |
| Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |             | -                     | 12.194.227            |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | 5.11        | 252.849.141           | 119.398.656           |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

|  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2016<br>VND      | 01/01/2016<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                               |            |             |                        |                        |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>70.470.210.436</b>  | <b>72.422.330.064</b>  |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc       | 213        |             | -                      | -                      |
| Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| Phải thu dài hạn khác                        | 216        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>69.595.115.467</b>  | <b>71.300.706.282</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 5.7         | 49.713.081.456         | 51.139.483.301         |
| Nguyên giá                                   | 222        |             | 66.630.692.917         | 66.493.482.008         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (16.917.611.461)       | (15.353.998.707)       |
| Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 225        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |             | -                      | -                      |
| Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 5.8         | 19.882.034.011         | 20.161.222.981         |
| Nguyên giá                                   | 228        |             | 21.965.117.967         | 21.965.117.967         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (2.083.083.956)        | (1.803.894.986)        |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                   | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                   | 231        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | <b>3.266.907</b>       | -                      |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 3.266.907              | -                      |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                      | -                      |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                  | <b>260</b> |             | <b>871.828.062</b>     | <b>1.121.623.782</b>   |
| Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 5.6.2       | 871.828.062            | 1.121.623.782          |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |             | <b>122.139.187.213</b> | <b>117.418.750.050</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

|  | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2016<br>VND     | 01/01/2016<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                 |            |             |                       |                       |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>51.138.675.284</b> | <b>63.141.706.742</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>44.749.675.284</b> | <b>40.310.706.742</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | 5.9         | 15.559.698.231        | 16.570.358.081        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | 5.10        | 2.128.176.307         | 3.912.235.530         |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | 5.11        | 133.568.312           | 128.135.190           |
| Phải trả người lao động                          | 314        |             | 44.420.000            | -                     |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | 5.12        | 27.370.909            | 617.892.571           |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | 5.13.1      | 78.515.607            | 6.602.438             |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                | 320        | 5.14.1      | 26.169.493.424        | 18.560.000.000        |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 321        |             | -                     | -                     |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                        | 322        | 5.15        | 608.432.494           | 515.482.932           |
| Quỹ bình ổn giá                                  | 323        |             | -                     | -                     |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>Nợ dài hạn</b>                                | <b>330</b> |             | <b>6.389.000.000</b>  | <b>22.831.000.000</b> |
| Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| Phải trả dài hạn khác                            | 337        | 5.13.2      | 1.389.000.000         | 1.431.000.000         |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | 5.14.2      | 5.000.000.000         | 21.400.000.000        |
| Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| Cổ phiếu ưu đãi                                  | 340        |             | -                     | -                     |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 341        |             | -                     | -                     |
| Dự phòng phải trả dài hạn                        | 342        |             | -                     | -                     |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 343        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

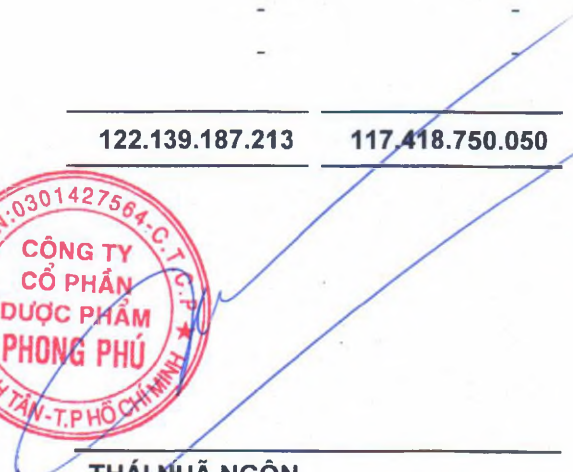
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

|   | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2016<br>VND      | 01/01/2016<br>VND      |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                               | <b>400</b> |             | <b>71.000.511.929</b>  | <b>54.277.043.308</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                               | <b>410</b> | 5.16        | <b>71.000.511.929</b>  | <b>54.277.043.308</b>  |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                           | 411        |             | 60.000.000.000         | 45.000.000.000         |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>       | 411a       |             | 60.000.000.000         | 45.000.000.000         |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                              | 411b       |             | -                      | -                      |
| Thặng dư vốn cổ phần                                | 412        |             | 2.205.500.000          | 2.205.500.000          |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                    | 413        |             | -                      | -                      |
| Vốn khác của chủ sở hữu                             | 414        |             | -                      | -                      |
| Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản                     | 416        |             | -                      | -                      |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                          | 417        |             | -                      | -                      |
| Quỹ đầu tư phát triển                               | 418        |             | 3.043.032.539          | 2.619.774.643          |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                     | 419        |             | -                      | -                      |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                       | 420        |             | -                      | -                      |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                   | 421        |             | 5.751.979.390          | 4.451.768.665          |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a       |             | 2.365.916.224          | 852.511.167            |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>                   | 421b       |             | 3.386.063.166          | 3.599.257.498          |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB                               | 422        |             | -                      | -                      |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát                     | 429        |             | -                      | -                      |
| <b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>                     | <b>430</b> |             | -                      | -                      |
| Nguồn kinh phí                                      | 431        |             | -                      | -                      |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ                   | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>122.139.187.213</b> | <b>117.418.750.050</b> |

  
**NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN MINH HÙNG**  
 Kế toán trưởng

  
**THÁI NHÃ NGÔN**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



95-C/1  
 TY  
 UUU HAN  
 AN  
 NAM  
 CHI MINH


**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

|  | Mã số     | Thuyết minh | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|--|-----------|-------------|----------------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01        | 6.1         | 57.627.020.127                   | 50.801.721.326                   |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | 6.2         | 910.975.590                      | 1.478.290.306                    |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 10        |             | 56.716.044.537                   | 49.323.431.020                   |
| Giá vốn hàng bán                                     | 11        | 6.3         | 45.553.483.865                   | 38.521.833.868                   |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>11.162.560.672</b>            | <b>10.801.597.152</b>            |
| Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | 6.4         | 140.951.958                      | 255.656.454                      |
| Chi phí tài chính                                    | 22        | 6.5         | (694.118.050)                    | (329.636.949)                    |
| <i>trong đó, chi phí lãi vay</i>                     | 23        |             | <i>(694.118.050)</i>             | <i>(329.636.949)</i>             |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  | 24        |             | -                                | -                                |
| Chi phí bán hàng                                     | 25        | 6.6         | 1.448.375.967                    | 1.972.499.259                    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 26        | 6.7         | 4.295.180.771                    | 3.350.054.793                    |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>30</b> |             | <b>6.254.073.942</b>             | <b>6.064.336.503</b>             |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 64.035.840                       | 3.131.879                        |
| Chi phí khác   | 32        | 6.8         | 795.860.201                      | 25.333.069                       |
| <b>Lỗ khác</b>                                       | <b>40</b> |             | <b>(731.824.361)</b>             | <b>(22.201.190)</b>              |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>             | <b>50</b> |             | <b>5.522.249.581</b>             | <b>6.042.135.313</b>             |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                          | 51        | 5.11        | 1.289.670.623                    | 1.357.766.592                    |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                           | 52        |             | -                                | -                                |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>      | <b>60</b> |             | <b>4.232.578.958</b>             | <b>4.684.368.721</b>             |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                    | 61        |             | 4.232.578.958                    | 4.684.368.721                    |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát       | 62        |             | -                                | -                                |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                             | 70        | 6.9         | 740                              | 884                              |

  
**NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN MINH HÙNG**  
 Kế toán trưởng



  
**THÁI NHÃ NGÔN**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****(theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

|  | Mã số     | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND | Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND |
|--|-----------|----------------------------------|----------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>  |           |                                  |                                  |
| Lợi nhuận trước thuế   | 01        | 5.522.249.581                    | 6.042.135.313                    |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |           | -                                | -                                |
| Khấu hao tài sản cố định   | 02        | 1.842.801.724                    | 1.823.218.013                    |
| Các khoản dự phòng   | 03        | -                                | -                                |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        | -                                | -                                |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        | (140.951.958)                    | (255.656.454)                    |
| Chi phí lãi vay  | 06        | (694.118.050)                    | (329.636.949)                    |
| Các khoản điều chỉnh khác  | 07        | -                                | -                                |
| <b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>  | <b>08</b> | <b>6.529.981.297</b>             | <b>7.280.059.923</b>             |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        | 4.988.406.867                    | (4.181.602.741)                  |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | (3.734.745.193)                  | (723.915.354)                    |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | (7.878.424.646)                  | (2.397.391.877)                  |
| Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | 391.003.626                      | 462.546.018                      |
| Tăng giảm chứng khoán kinh doanh   | 13        | -                                | -                                |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (1.519.310.122)                  | (2.162.336.555)                  |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15        | (941.527.617)                    | (429.316.328)                    |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | 2.156.178.970                    | 2.489.386.054                    |
| Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh   | 17        | (330.308.334)                    | (164.251.900)                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>                                 | <b>20</b> | <b>(338.745.152)</b>             | <b>173.177.240</b>               |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>  |           |                                  |                                  |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác  | 21        | (140.477.816)                    | (395.862.090)                    |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác   | 22        | -                                | -                                |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                       | 23        | -                                | -                                |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                   | 24        | -                                | 4.000.000.000                    |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 25        | -                                | -                                |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  | 26        | -                                | -                                |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27        | 140.951.958                      | 255.656.454                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>474.142</b>                   | <b>3.859.794.364</b>             |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |                                  |                                  |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                    | 31        | 15.000.000.000                   | -                                |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành        | 32        | -                                | -                                |
| Tiền thu từ đi vay   | 33        | 26.169.493.424                   | 48.750.000.000                   |
| Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34        | (34.960.000.000)                 | (52.030.000.000)                 |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính   | 35        | -                                | -                                |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu  | 36        | (2.575.200.713)                  | -                                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> | <b>3.634.292.711</b>             | <b>(3.280.000.000)</b>           |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>  | <b>50</b> | <b>3.296.021.701</b>             | <b>752.971.604</b>               |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>   | <b>60</b> | <b>10.538.236.849</b>            | <b>10.445.448.342</b>            |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ  | 61        | -                                | -                                |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>  | <b>70</b> | <b>13.834.258.550</b>            | <b>11.198.419.946</b>            |

NGÔ THỊ XUÂN PHƯƠNG  
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HÙNG  
Kế toán trưởng



THAI NHÀ NGON  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Công ty mẹ) và công ty con là Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam.

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

#### Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: PPP
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 6.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 60.000.000.000 VND

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại dược phẩm.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bán buôn thuốc, bán buôn mỹ phẩm; bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm, nước hoa; sản xuất trà; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất các loại bánh từ bột; sản xuất mì ống, mỹ sợi và sản phẩm tương tự; sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn; bán buôn trà, bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, bán buôn thực phẩm chức năng; vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản; sản xuất thực phẩm chức năng; sản xuất thuốc; sản xuất ca cao, sô cô la và mút kẹo; và bán buôn đồ uống không có cồn.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn gồm Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú ("công ty mẹ") và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam ("công ty con").

#### Danh sách công ty con được hợp nhất

| Tên công ty                    | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính               | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--------------------------------|--|--|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam | Lô số 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh | Kinh doanh thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế | 100%          | 100%                   | 100%          |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

## 1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 184 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 176 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ các hướng dẫn được ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và Công ty TNHH MTV Usar Việt Nam (công ty con) cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con đã được lập cùng kỳ Báo cáo tài chính giữa niên độ với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, Đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

### 4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

### 4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, Đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8 tháng.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     |             |
|---------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 50 năm |
| Máy móc và thiết bị             | 06 – 10 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08 – 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý        | 05 năm      |
| Tài sản cố định khác            | 15 năm      |

#### 4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất 40 năm.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### 4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.19 Công cụ tài chính

##### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, Đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## 4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng được xem là các bên có liên quan là các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám).

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                       | 30/06/2016            | 01/01/2016            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                       | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt - VND                        | 105.013.515           | 257.989.049           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND | 8.729.245.035         | 3.280.247.800         |
| Các khoản tương đương tiền (*)        | 5.000.000.000         | 7.000.000.000         |
|                                       | <b>13.834.258.550</b> | <b>10.538.236.849</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi VND có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương - Chi nhánh Tây Sài Gòn. Lãi suất tiền gửi 4,5%/năm. Toàn bộ số tiền được sử dụng để bảo đảm hợp đồng cấp bảo lãnh theo Hợp đồng số 160470006/2016-HĐTDHM ngày 26 tháng 01 năm 2016 và Hợp đồng số 1605580034/2016-HĐTDHM ngày 24 tháng 05 năm 2016 – Xem thêm mục 5.14.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

|  | 30/06/2016<br>VND     | 01/01/2016<br>VND     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b> |                       |                       |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đại Quang           | 4.263.260.390         | 4.015.591.285         |
| Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh           | 3.402.796.312         | 3.393.826.477         |
| Công ty TNHH Shine Pharma                  | -                     | 1.595.613.188         |
| Các khách hàng khác                        | 6.740.193.453         | 7.111.917.768         |
|  | <b>14.406.250.155</b> | <b>16.116.948.718</b> |

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | 30/06/2016<br>VND  | 01/01/2016<br>VND  |
|--|--------------------|--------------------|
| <b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b> |                    |                    |
| Công ty TNHH Du lịch Hoàng Thiên           | 175.000.000        | -                  |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Gia Khang      | 52.250.000         | -                  |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2              | -                  | 166.153.709        |
| Các khách hàng khác                        | 39.955.000         | 5.075.000          |
|  | <b>267.205.000</b> | <b>171.228.709</b> |

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

|  | 30/06/2016           |                 | 01/01/2016           |                 |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
| <b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b> |                      |                 |                      |                 |
| Tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ tạm nộp        | 1.945.288.934        | -               | -                    | -               |
| Phải thu các cửa hàng                              | 525.000.000          | -               | 525.000.000          | -               |
| Lãi dự thu   | 61.875.000           | -               | 17.277.778           | -               |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Mươi   | -                    | -               | 159.995.000          | -               |
| Tạm ứng  | 207.905.261          | -               | 8.473.900            | -               |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                   | 26.000.000           | -               | 26.000.000           | -               |
| Các khoản phải thu do chi hộ                       | -                    | -               | 752.858.700          | -               |
|  | <b>2.766.069.195</b> | <b>-</b>        | <b>1.489.605.378</b> | <b>-</b>        |

**5.5 Hàng tồn kho**

|                                      | 30/06/2016            |                 | 01/01/2016            |                 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|                                      | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND        | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 6.840.148.923         | -               | 6.909.661.990         | -               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.945.478.999         | -               | 2.580.430.434         | -               |
| Thành phẩm                           | 8.439.063.375         | -               | 5.611.450.926         | -               |
| Hàng hóa                             | 1.834.687.358         | -               | 1.223.090.112         | -               |
|                                      | <b>20.059.378.655</b> | <b>-</b>        | <b>16.324.633.462</b> | <b>-</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                     | 30/06/2016<br>VND | 01/01/2016<br>VND  |
|---------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí bảo hiểm    | 27.912.921        | 86.541.087         |
| Chi phí sơn nhà máy | 55.053.160        | 137.632.900        |
|                     | <b>82.966.081</b> | <b>224.173.987</b> |

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

|                        | 30/06/2016<br>VND  | 01/01/2016<br>VND    |
|------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí thuê gian hàng | 118.499.027        | 132.175.217          |
| Công cụ, dụng cụ       | 753.329.035        | 989.448.565          |
|                        | <b>871.828.062</b> | <b>1.121.623.782</b> |

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

|                               | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Tài sản cố<br>định khác<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                  |                            |                               |                                    |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 40.302.809.688                   | 24.777.587.894             | 1.162.536.807                 | 31.500.000                         | 219.047.619                    | <b>66.493.482.008</b> |
| Mua trong kỳ                  |                                  | 92.210.909                 | -                             | 45.000.000                         | -                              | 137.210.909           |
| Tại ngày 30/06/2016           | 40.302.809.688                   | 24.869.798.803             | 1.162.536.807                 | 76.500.000                         | 219.047.619                    | <b>66.630.692.917</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                  |                            |                               |                                    |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 4.303.298.380                    | 10.195.272.785             | 604.879.923                   | 31.500.000                         | 219.047.619                    | <b>15.353.998.707</b> |
| Khấu hao trong kỳ             | 479.785.338                      | 1.028.773.258              | 55.054.158                    | -                                  | -                              | 1.563.612.754         |
| Tại ngày 30/06/2016           | 4.783.083.718                    | 11.224.046.043             | 659.934.081                   | 31.500.000                         | 219.047.619                    | <b>16.917.611.461</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                  |                            |                               |                                    |                                |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 35.999.511.308                   | 14.582.315.109             | 557.656.884                   | -                                  | -                              | <b>51.139.483.301</b> |
| Tại ngày 30/06/2016           | 35.519.725.970                   | 13.645.752.760             | 502.602.726                   | 45.000.000                         | -                              | <b>49.713.081.456</b> |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

|                     | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải<br>VND | Thiết bị dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Tài sản cố<br>định khác<br>VND | Cộng<br>VND          |
|---------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | 461.118.928                      | 4.376.929.847              | 141.606.706                   | 31.500.000                         | 219.047.619                    | <b>5.230.203.100</b> |
| Tại ngày 30/06/2016 | 461.118.928                      | 4.376.929.847              | 141.606.706                   | 31.500.000                         | 219.047.619                    | <b>5.230.203.100</b> |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2016 là 13.815.695.418 VND (tại 01/01/2016 là 14.820.650.196 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn – Xem thêm mục 5.14.2.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

|                               | Quyền<br>sử dụng đất<br>VND | Phần mềm<br>kế toán<br>VND | Cộng<br>VND           |
|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                             |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 21.935.117.967              | 30.000.000                 | 21.965.117.967        |
| Tại ngày 30/06/2016           | 21.935.117.967              | 30.000.000                 | <b>21.965.117.967</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                             |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 1.782.228.324               | 21.666.662                 | 1.803.894.986         |
| Khấu hao trong kỳ             | 274.188.972                 | 4.999.998                  | 279.188.970           |
| Tại ngày 30/06/2016           | 2.056.417.296               | 26.666.660                 | <b>2.083.083.956</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                             |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2016           | 20.152.889.643              | 8.333.338                  | 20.161.222.981        |
| Tại ngày 30/06/2016           | 19.878.700.671              | 3.333.340                  | <b>19.882.034.011</b> |

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 30/06/2016 là 19.878.700.671 VND (tại ngày 01/01/2016 là 20.161.222.981 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng – Xem thêm mục 5.14.2.

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | 30/06/2016<br>VND     | 01/01/2016<br>VND     |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b> |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Dược Cửu Long         | 4.150.870.900         | 4.643.874.600         |
| Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành         | 1.744.108.949         | 1.263.096.461         |
| Các nhà cung cấp khác                 | 9.664.718.382         | 10.663.387.020        |
|                                       | <b>15.559.698.231</b> | <b>16.570.358.081</b> |

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | 30/06/2016<br>VND    | 01/01/2016<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b> |                      |                      |
| Công ty TNHH Shine Pharma                | 1.784.223.055        | 2.738.154.496        |
| Công ty Vĩnh Tường Phát                  | -                    | 490.819.068          |
| Các khách hàng khác                      | 343.953.252          | 683.261.966          |
|  | <b>2.128.176.307</b> | <b>3.912.235.530</b> |

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước**

|  | 01/01/2016         |                      | Số phát sinh trong kỳ |                              |                      | 30/06/2016         |                      |
|--|--------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
|  | Phải nộp<br>VND    | Phải thu<br>VND      | Số phải nộp<br>VND    | Số đã<br>nộp/khấu trừ<br>VND | Giảm khác            | Phải nộp<br>VND    | Phải thu<br>VND      |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 63.803.574         | -                    | 3.591.186.063         | (3.551.720.369)              | -                    | 103.269.268        | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 33.149.243         | (119.398.656)        | 1.289.670.623         | (941.527.617)                | (514.742.734)        | -                  | (252.849.141)        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 31.172.373         | -                    | 90.548.594            | (91.431.923)                 | -                    | 30.289.044         | -                    |
| Các loại thuế khác                     | -                  | -                    | 45.500.001            | (45.500.001)                 | -                    | -                  | -                    |
| <b>Cộng</b>                            | <b>128.125.190</b> | <b>(131.592.883)</b> | <b>5.016.905.281</b>  | <b>(4.630.179.910)</b>       | <b>(514.742.734)</b> | <b>133.558.312</b> | <b>(252.849.141)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|   | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|---|--|--|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 5.522.249.581                          | 6.042.135.313                          |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: |  |  |
| Các khoản điều chỉnh tăng   | 926.103.534                            | 25.333.069                             |
| Thu nhập chịu thuế  | 6.448.353.115                          | 6.067.468.382                          |
| Lỗ các năm trước được chuyển  | -                                      | -                                      |
| Thu nhập tính thuế  | 6.448.353.115                          | 6.067.468.382                          |
| Thuế suất thuế TNDN   | 20%                                    | 22%                                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp   | 1.289.670.623                          | 1.334.843.044                          |
| Điều chỉnh thuế thu TNDN của các năm trước  | -                                      | 22.923.548                             |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>1.289.670.623</b>                   | <b>1.357.766.592</b>                   |

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

*Các loại thuế khác*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | 30/06/2016<br>VND | 01/01/2016<br>VND  |
|---|-------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b> |                   |                    |
| Trích trước lương tháng 13                  | -                 | 533.272.460        |
| Chi phí lãi vay phải trả                    | 27.370.909        | 84.620.111         |
|   | <b>27.370.909</b> | <b>617.892.571</b> |

**5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác**

|  | 30/06/2016<br>VND | 01/01/2016<br>VND |
|--|-------------------|-------------------|
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b> |                   |                   |
| Kinh phí công đoàn                         | 21.159.320        | -                 |
| Bảo hiểm xã hội                            | -                 | 6.545.438         |
| Cổ tức phải trả                            | 57.356.287        | 57.000            |
|  | <b>78.515.607</b> | <b>6.602.438</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.13.2 Phải trả dài hạn khác**

|  | 30/06/2016<br>VND    | 01/01/2016<br>VND    |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân</b> |                      |                      |
| Nhận ký quỹ, ký cược                   | <b>1.389.000.000</b> | <b>1.431.000.000</b> |

**5.14 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|   | 30/06/2016            |                                 | 01/01/2016            |                                 |
|---|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|   | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>                  |                       |                                 |                       |                                 |
| Ông Thái Nhã Ngôn   | -                     | -                               | 8.000.000.000         | 8.000.000.000                   |
| Ông Hồ Vinh Hiển  | -                     | -                               | 360.000.000           | 360.000.000                     |
| Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc   | -                     | -                               | 600.000.000           | 600.000.000                     |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>                   |                       |                                 |                       |                                 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (*) | 26.169.493.424        | 26.169.493.424                  | -                     | -                               |
| Vay dài hạn đến hạn trả   | -                     | -                               | 9.600.000.000         | 9.600.000.000                   |
|   | <b>26.169.493.424</b> | <b>26.169.493.424</b>           | <b>18.560.000.000</b> | <b>18.560.000.000</b>           |

(\*) Là các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- a) Hợp đồng tín dụng số 160470006/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 26 tháng 01 năm 2016 và Hợp đồng số 160580034/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 24 tháng 05 năm 2016 nâng hạn mức tín dụng từ 15.000.000.000 VND lên thành 30.000.000.000 VND.

Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm của Tập đoàn  
 Thời hạn vay : Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng  
 Lãi suất vay : 9%/năm, điều chỉnh theo từng kế ước nhận nợ  
 Hình thức đảm bảo : Toàn bộ hàng hóa tồn kho là nguyên vật liệu dược phẩm các loại với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 15.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 160470013/HĐTC ngày 26 tháng 01 năm 2016;

Thẻ tiết kiệm có kì hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát hành, số tiền 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 160580053/HĐCC ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND  
 Số dư tại ngày 30/06/2016 : 19.989.706.608 VND

- b) Hợp đồng tín dụng số 160580034/2016-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 24 tháng 05 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn  
 Thời hạn vay : Theo từng kế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng  
 Lãi suất vay : 9%/năm, điều chỉnh theo từng kế ước nhận nợ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

|                           |   |  |
|---------------------------|---|--|
| Hình thức đảm bảo         | : | Thẻ tiết kiệm có kì hạn do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn phát hành, số tiền 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 160580053/HĐCC ngày 31 tháng 03 năm 2016. |
| Hạn mức vay               | : | 30.000.000.000 VND   |
| Số dư tại ngày 30/06/2016 | : | 6.179.786.816 VND  |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ tài chính như sau:

|                          | 01/01/2016<br>VND     | Số tiền vay<br>phát sinh<br>trong kỳ<br>VND | Số tiền vay đã<br>trả trong kỳ<br>VND | 30/06/2016<br>VND     |
|--------------------------|-----------------------|---|---------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 8.960.000.000         | -   | (8.960.000.000)                       | -                     |
| Vay ngắn hạn ngân hàng   | -                     | 26.169.493.424                              | -                                     | 26.169.493.424        |
| Vay dài hạn đến hạn trả  | 9.600.000.000         | -   | (9.600.000.000)                       | -                     |
|                          | <b>18.560.000.000</b> | <b>26.169.493.424</b>                       | <b>18.560.000.000</b>                 | <b>26.169.493.424</b> |

**5.14.2 Vay dài hạn**

|   | 30/06/2016<br>Giá trị<br>VND | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | 01/01/2016<br>Giá trị<br>VND | Số có khả<br>năng trả nợ<br>VND |
|---|------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| <b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>                             |                              |                                 |                              |                                 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (*) | 5.000.000.000                | 5.000.000.000                   | 21.400.000.000               | 21.400.000.000                  |
|   | <b>5.000.000.000</b>         | <b>5.000.000.000</b>            | <b>21.400.000.000</b>        | <b>21.400.000.000</b>           |

(\*) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 150450007/2015-HĐTDDA/NHCT923 ngày 04 tháng 03 năm 2015:

|                   |   |   |
|-------------------|---|---|
| Mục đích vay      | : | Thanh toán nợ vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB), Chi nhánh Chợ Lớn.  |
| Thời hạn vay      | : | 30 tháng kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2015   |
| Lãi suất vay      | : | 8,5%/năm  |
| Hình thức đảm bảo | : | - Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469877, số vào sổ cấp GCN: T00586, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 132 Đường Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.<br>Hợp đồng thế chấp số 150450042/HĐTC ngày 03/03/2015 – Xem thêm mục 5.8<br>- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469876, số vào sổ cấp GCN: T00583, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 623 đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.<br>- Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469875, số vào sổ cấp GCN: T00587, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 313 đường Bình Đông, |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469874, số vào sổ cấp GCN: T00585, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 02 năm 2008, địa chỉ: 11 đường Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Quyền sử dụng của theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB694332, số vào sổ cấp GCN: CT02398, do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 09 năm 2010, địa chỉ: Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, đất khu công nghiệp, thời hạn sử dụng đến 16 tháng 08 năm 2050.

- Các máy móc thiết bị đang sử dụng tại Nhà máy sản xuất thuốc Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh với giá trị định giá tại thời điểm kí kết hợp đồng là 10.101.600.000 VND

- Các tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với Thửa Đất tại địa chỉ: Lô 12, đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy phép xây dựng số 74/GPXD ngày 16 tháng 08 năm 2010 với giá trị định giá tại thời điểm kí kết hợp đồng là 17.194.000.000 VND.

Hợp đồng thế chấp số 150450047/HĐTC ngày 17/03/2015 – Xem thêm mục 5.8

Hợp đồng thế chấp số 150450100/HĐTC ngày 14/05/2015 – Xem thêm mục 5.7

Hợp đồng thế chấp số 150450101/HĐTC ngày 14/05/2015 – Xem thêm mục 5.8

Hạn mức vay : 34.130.000.000 VND  
Số dư tại ngày 30/06/2016 : 5.000.000.000 VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay như sau:

|                            | Tổng nợ<br>VND        | Từ 1 năm trở<br>xuống<br>VND | Trên 1 năm<br>đến 5 năm<br>VND |
|----------------------------|-----------------------|------------------------------|--------------------------------|
| <b>Tại ngày 30/06/2016</b> |                       |                              |                                |
| Vay dài hạn ngân hàng      | 5.000.000.000         | -                            | 5.000.000.000                  |
|                            | <b>5.000.000.000</b>  | -                            | <b>5.000.000.000</b>           |
| <b>Tại ngày 01/01/2016</b> |                       |                              |                                |
| Vay dài hạn ngân hàng      | 31.000.000.000        | 9.600.000.000                | 21.400.000.000                 |
|                            | <b>31.000.000.000</b> | <b>9.600.000.000</b>         | <b>21.400.000.000</b>          |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|   | 01/01/2015<br>VND | Số tiền vay đã<br>trả trong kỳ<br>VND | 30/06/2016<br>VND |
|---|-------------------|---------------------------------------|-------------------|
| Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn | 21.400.000.000    | (16.400.000.000)                      | 5.000.000.000     |

**5.14.3 Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | 01/01/2016<br>VND  | Tăng trích lập<br>từ lợi nhuận<br>VND | Chi quỹ<br>trong kỳ<br>VND | 30/06/2016<br>VND  |
|-----------------|--------------------|---------------------------------------|----------------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 515.482.932        | 423.257.896                           | (330.308.334)              | 608.432.494        |
|                 | <b>515.482.932</b> | <b>423.257.896</b>                    | <b>(330.308.334)</b>       | <b>608.432.494</b> |

**5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")****5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

|  | Vốn đầu tư<br>của CSH<br>VND | Thặng dư vốn<br>cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân<br>phối<br>VND | Cộng<br>VND           |
|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại ngày<br>01/01/2015                       | 45.000.000.000               | 2.205.500.000                  | 2.138.540.310                   | 852.511.167                           | 50.196.551.477        |
| Lãi trong kỳ                                       | -                            | -                              | -                               | 4.722.125.338                         | 4.722.125.338         |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi<br>trong kỳ | -                            | -                              | -                               | (708.318.801)                         | (708.318.801)         |
| Trích lập các quỹ đầu<br>tư phát triển trong kỳ    | -                            | -                              | 472.212.534                     | (472.212.534)                         | -                     |
| Giảm khác trong kỳ                                 | -                            | -                              | -                               | (10.000.000)                          | (10.000.000)          |
| <b>Số dư tại ngày<br/>30/06/2015</b>               | <b>45.000.000.000</b>        | <b>2.205.500.000</b>           | <b>2.610.752.844</b>            | <b>4.384.105.170</b>                  | <b>54.200.358.014</b> |
| Lãi trong kỳ                                       | -                            | -                              | -                               | 90.217.993                            | 90.217.993            |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi trong<br>kỳ | -                            | -                              | -                               | (13.532.699)                          | (13.532.699)          |
| Trích lập các quỹ đầu<br>tư phát triển trong kỳ    | -                            | -                              | 9.021.799                       | (9.021.799)                           | -                     |
| <b>Số dư tại ngày<br/>31/12/2015</b>               | <b>45.000.000.000</b>        | <b>2.205.500.000</b>           | <b>2.619.774.643</b>            | <b>4.451.768.665</b>                  | <b>54.277.043.308</b> |
| Số dư tại ngày<br>01/01/2016                       | 45.000.000.000               | 2.205.500.000                  | 2.619.774.643                   | 4.451.768.665                         | 54.277.043.308        |
| Tăng vốn trong kỳ                                  | 15.000.000.000               | -                              | -                               | -                                     | 15.000.000.000        |
| Lãi trong kỳ                                       | -                            | -                              | -                               | 4.232.578.958                         | 4.232.578.958         |
| Trích lập quỹ khen<br>thưởng, phúc lợi             | -                            | -                              | -                               | (423.257.896)                         | (423.257.896)         |
| Trích lập các quỹ đầu<br>tư phát triển             | -                            | -                              | 423.257.896                     | (423.257.896)                         | -                     |
| Chia cổ tức  | -                            | -                              | -                               | (2.632.500.000)                       | (2.632.500.000)       |
| Tăng khác  | -                            | -                              | -                               | 546.647.559                           | 546.647.559           |
| <b>Số dư tại ngày<br/>30/06/2016</b>               | <b>60.000.000.000</b>        | <b>2.205.500.000</b>           | <b>3.043.032.539</b>            | <b>5.751.979.390</b>                  | <b>71.000.511.929</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| Cổ đông                       | 30/06/2016            |             |
|-------------------------------|-----------------------|-------------|
|                               | VND                   | Tỷ lệ (%)   |
| Ông Thái Nhã Ngôn             | 26.768.910.000        | 44,62%      |
| Bà Lê Thanh Trúc              | 5.711.600.000         | 9,52%       |
| Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn | 3.895.820.000         | 6,49%       |
| Ông Hồ Vinh Hiền              | 3.119.000.000         | 5,20%       |
| Các cổ đông khác              | 20.504.670.000        | 34,17%      |
|                               | <b>60.000.000.000</b> | <b>100%</b> |

**5.16.3 Cổ phiếu**

|  | 30/06/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 6.000.000  | 4.500.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 6.000.000  | 4.500.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 6.000.000  | 4.500.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 6.000.000  | 4.500.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 6.000.000  | 4.500.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**5.16.4 Phân phối lợi nhuận**

Tập đoàn đã tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty mẹ năm 2016 vào ngày 29 tháng 4 năm 2016 và chia cổ tức theo Nghị quyết số 001/NQ-HĐQT.PP ngày 11 tháng 01 năm 2016 như sau:

|  | VND           |
|--|---------------|
| • Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2016 cho quỹ đầu tư phát triển    | 423.257.896   |
| • Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2016 cho quỹ khen thưởng phúc lợi | 423.257.896   |
| • Chia cổ tức theo tỷ lệ 5,85%/cổ phiếu (mỗi một cổ phiếu nhận được 585 đồng)        | 2.632.500.000 |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                            | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|----------------------------|--|--|
| Doanh thu thành phẩm       | 26.830.946.485                         | 39.139.011.469                         |
| Doanh thu bán hàng         | 30.796.073.642                         | 11.648.799.112                         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | -                                      | 13.910.745                             |
|                            | <b>57.627.020.127</b>                  | <b>50.801.721.326</b>                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

|                     | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|---------------------|--|--|
| Hàng bán bị trả lại | 910.975.590                            | 1.478.290.306                          |
|                     | <b>910.975.590</b>                     | <b>1.478.290.306</b>                   |

**6.3 Giá vốn hàng bán**

|                         | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|-------------------------|--|--|
| Giá vốn thành phẩm      | 17.385.949.054                         | 29.620.163.096                         |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 28.167.534.811                         | 8.901.670.772                          |
|                         | <b>45.553.483.865</b>                  | <b>38.521.833.868</b>                  |

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

|              | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|--------------|--|--|
| Lãi tiền gửi | 140.951.958                            | 255.656.454                            |
|              | <b>140.951.958</b>                     | <b>255.656.454</b>                     |

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

|  | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|--|--|--|
| Chi phí lãi vay kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ |  |  |
| - Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ                       | 1.462.060.920                          | 2.159.749.105                          |
| - Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi vay                        | (2.156.178.970)                        | (2.489.386.054)                        |
|  | <b>(694.118.050)</b>                   | <b>(329.636.949)</b>                   |

**6.6 Chi phí bán hàng**

|                                  | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân viên                | 1.316.637.062                          | 1.855.217.952                          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.166.668                              | 9.166.668                              |
| Chi phí xăng dầu                 | 17.279.346                             | 22.567.175                             |
| Chi phí bán hàng khác            | 105.292.891                            | 85.547.464                             |
|                                  | <b>1.448.375.967</b>                   | <b>1.972.499.259</b>                   |





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|--|--|--|
| Chi phí nhân viên                                      | 2.471.194.942                          | 1.786.492.895                          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                       | 334.243.128                            | 319.873.418                            |
| Chi phí thuê bảo vệ                                    | 234.000.000                            | 234.000.000                            |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng                    | 207.835.027                            | 186.233.410                            |
| Chi phí sửa chữa công cụ, dụng cụ, phương tiện vận tải | 74.893.739                             | 71.138.650                             |
| Chi phí nghiên cứu nhãn hiệu, kiểm nghiệm              | 74.813.944                             | 66.790.000                             |
| Chi phí bảo hiểm hỏa hoạn                              | 58.628.166                             | 57.677.298                             |
| Chi phí hội nghị tiếp khách                            | 49.750.254                             | 35.931.746                             |
| Chi phí điện thoại                                     | 32.898.120                             | 24.960.226                             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác                      | 756.923.451                            | 566.957.150                            |
|  | <b>4.295.180.771</b>                   | <b>3.350.054.793</b>                   |

**6.8 Chi phí khác**

|   | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|---|--|--|
| Thuế chuyển quyền sở hữu nhà số 30-32 Phong Phú | 752.858.700                            | -                                      |
| Phạt chậm nộp thuế                              | 36.620.676                             | -                                      |
| Phạt vi phạm hành chính                         | 6.380.825                              | -                                      |
| Chi phí khác                                    | -                                      | 25.333.069                             |
|   | <b>795.860.201</b>                     | <b>25.333.069</b>                      |

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|   | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|---|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN   | 4.232.578.958                          | 4.684.368.721                          |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | (423.257.896)                          | (708.318.801)                          |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                     | 3.809.321.062                          | 3.976.049.920                          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ | CP<br>5.145.205                        | 4.500.000                              |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>VND/CP<br/>740</b>                  | <b>884</b>                             |

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>VND | Từ 01/01/2015<br>đến 30/06/2015<br>VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 27.714.276.616                         | 25.073.092.889                         |
| Chi phí mua hàng                 | 14.191.776.657                         | 9.005.316.616                          |
| Chi phí nhân công                | 7.699.072.321                          | 6.517.585.200                          |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.842.801.724                          | 1.823.218.013                          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.836.681.837                          | 1.523.704.123                          |
| Chi phí khác                     | 1.197.781.590                          | 1.129.166.132                          |
|                                  | <b>54.482.390.745</b>                  | <b>45.072.082.973</b>                  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty mẹ đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Phải thu khách hàng*

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

|   | Dưới 1 năm<br>VND     | Từ 1 đến 5 năm<br>VND | Tổng cộng<br>VND      |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>                |                       |                       |                       |
| Phải trả người bán                              |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>           | 15.559.698.231        | -                     | 15.559.698.231        |
| Các khoản chi phí phải trả                      |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>      | 27.370.909            | -                     | 27.370.909            |
| Các khoản phải trả khác                         |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>      | -                     | 1.389.000.000         | 1.389.000.000         |
| Các khoản vay và nợ                             |                       |                       |                       |
| <i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 26.169.493.424        | 5.000.000.000         | 31.169.493.424        |
|   | <b>41.756.562.564</b> | <b>6.389.000.000</b>  | <b>48.145.562.564</b> |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>                |                       |                       |                       |
| Phải trả người bán                              |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>           | 16.570.358.081        |                       | 16.570.358.081        |
| Các khoản chi phí phải trả                      |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>      | 84.677.111            | -                     | 84.677.111            |
| Các khoản phải trả khác                         |                       |                       |                       |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>      | -                     | 1.431.000.000         | 1.431.000.000         |
| Các khoản vay và nợ                             |                       |                       |                       |
| <i>Vay phải trả các bên liên quan</i>           | 8.960.000.000         | -                     | 8.960.000.000         |
| <i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 9.600.000.000         | 21.400.000.000        | 31.000.000.000        |
|   | <b>35.215.035.192</b> | <b>22.831.000.000</b> | <b>58.046.035.192</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.8; 5.15.2*).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2016 và 31/12/2015.

**iv. Giá trị hợp lý****(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

|  | Giá trị ghi sổ            |                           | Giá trị hợp lý (*)        |                           |
|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|  | Ngày 30 tháng 06 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | Ngày 30 tháng 06 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| <b>Tài sản tài chính</b>                                 |                           |                           |                           |                           |
| Các khoản cho vay và phải thu                            |                           |                           |                           |                           |
| Phải thu khách hàng                                      |                           |                           |                           |                           |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                      | 14.406.250.155            | 16.114.792.718            | 14.406.250.155            | 16.114.792.718            |
| Phải thu khác  |                           |                           |                           |                           |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>              | 775.077.000               | 1.481.131.478             | 775.077.000               | 1.481.131.478             |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán                        |                           |                           |                           |                           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền                       | 13.834.258.550            | 10.538.236.849            | 13.834.258.550            | 10.538.236.849            |
|  | <b>29.015.585.705</b>     | <b>28.134.161.045</b>     | <b>29.015.585.705</b>     | <b>28.134.161.045</b>     |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                             |                           |                           |                           |                           |
| Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ |                           |                           |                           |                           |
| Phải trả người bán                                       |                           |                           |                           |                           |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                    | 15.559.698.231            | 16.570.358.081            | 15.559.698.231            | 16.570.358.081            |
| Chi phí phải trả   |                           |                           |                           |                           |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>               | 27.370.909                | 84.677.111                | 27.370.909                | 84.677.111                |
| Các khoản phải trả khác                                  |                           |                           |                           |                           |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>               | 1.389.000.000             | 1.431.000.000             | 1.389.000.000             | 1.431.000.000             |
| Các khoản vay và nợ                                      |                           |                           |                           |                           |
| <i>Vay phải trả các bên liên quan</i>                    | -                         | 8.960.000.000             | -                         | 8.960.000.000             |
| <i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>          | 31.169.493.424            | 31.000.000.000            | 31.169.493.424            | 31.000.000.000            |
|  | <b>48.145.562.564</b>     | <b>58.046.035.192</b>     | <b>48.145.562.564</b>     | <b>58.046.035.192</b>     |

(\*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ phải trả cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

| <b>Đối tượng</b>        | <b>Nội dung</b>   | <b>30/06/2016</b><br>VND | <b>01/01/2016</b><br>VND |
|-------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Thái Nhã Ngôn       | Phải trả tiền vay | -                        | (8.000.000.000)          |
| Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Phải trả tiền vay | -                        | (600.000.000)            |
| Ông Hồ Vinh Hiển        | Phải trả tiền vay | -                        | (360.000.000)            |

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|                          | <b>Từ 01/01/2016</b><br><b>đến 30/06/2016</b><br>VND | <b>Từ 01/01/2015</b><br><b>đến 30/06/2015</b><br>VND |
|--------------------------|--|--|
| Thù lao, lương và thưởng | 1.394.636.564  | 722.644.615  |
|                          | <b>1.394.636.564</b>                                 | <b>722.644.615</b>                                   |

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ**

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không có số dư công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**8.2 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

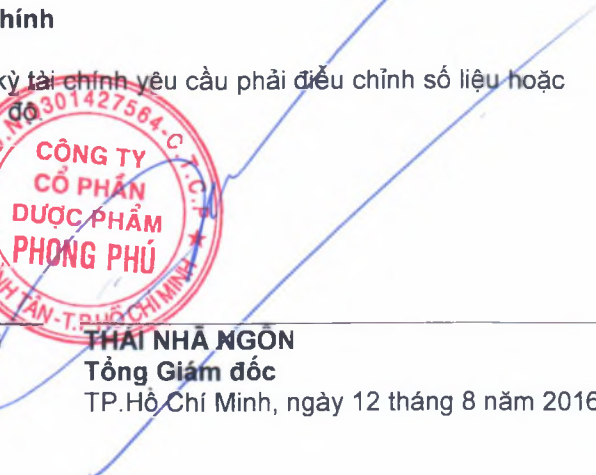
Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất, kinh doanh dược phẩm tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

  
**NGÔ THỊ XUÂN PHƯỢNG**  
Người lập

  
**NGUYỄN MINH HÙNG**  
Kế toán trưởng

  
**THÁI NHÃ NGÕN**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



HH